

Số: 44/2025/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy
và người làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH11;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Xét Tờ trình số 667/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 603/BC-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện tự nguyện tại các Cơ sở Cai nghiện ma túy công lập; mức thù lao cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ cho các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; mức trợ cấp đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng trong lực lượng Công an nhân dân công tác, làm việc tại các Cơ sở Cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối với các nội dung, mức hỗ trợ không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP, Thông tư số 62/2022/TT-BTC và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại xã, phường theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Người đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại các Cơ sở công lập trên địa bàn tỉnh.

3. Người làm việc tại các Cơ sở Cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh;

4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mức thù lao cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng: người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Mức thù lao hàng tháng bằng 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng hiện hành (người nhận tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ thêm 01 đối tượng tăng thêm 0,1 lần mức lương cơ sở, nhưng không quá 03 đối tượng).

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy công lập

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các Cơ sở Cai nghiện công lập và theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

2. Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 62/2022/TT-BTC.

3. Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng: bằng định mức chi quy định đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

4. Hỗ trợ tiền quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện là nữ): bằng định mức chi quy định đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại khoản 2 Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

5. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện công lập được hỗ trợ 100% chỗ ở trong thời gian cai nghiện.

Điều 5. Trợ cấp đặc thù đối với người làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Cán bộ, chiến sĩ, lao động hợp đồng trong lực lượng Công an nhân dân công tác, làm việc tại các Cơ sở Cai nghiện ma túy công lập được hưởng trợ cấp đặc thù bằng 1,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện nghị quyết được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang; Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về đối tượng hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tiền Giang hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khoá X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./. *Ngân*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. *VT*

CHỦ TỊCH



Châu Thị Mỹ Phương